

臺北城市科技大學國際專修部學生報名繳交資料檢核表 Application Checklist
Đại học Khoa Học và Công Nghệ Thành phố Đài Bắc Bảng danh sách giấy tờ cần nộp

中文姓名 Họ tên tiếng Trung		英文姓名 Họ tên tiếng Anh	
學生國籍 Quốc tịch		連絡電話 Điện thoại liên hệ	
身份別 Thân phận học sinh	<input type="checkbox"/> 外籍生 SV Quốc tế <input type="checkbox"/> 僑生 SV Hoa Kiều <input type="checkbox"/> 港澳生 SV Hongkong, macao		
申請系所(請填寫志願序) Đăng kí Khoa/Ngành (Điền thứ tự nguyện vọng 1,2,3)	<input type="checkbox"/> 電機系 Kỹ Thuật Điện Cơ	<input type="checkbox"/> 行銷系 Marketing & Logistics	

(本表請置於申請表件首頁，依項次順序排列) (Tờ giấy này để ở trang đầu tiên, xếp theo thứ tự phụ lục)

項次Order	繳交資料項目 Documents Giấy tờ cần nộp	註記
1	國際專修部學生入學申請表(如附件一) Đơn xin nhập học điền theo mẫu (Phụ Lục 1) Application Form for International Foundation Program Students (original, see Appendix 1)	
2	文件審查授權書【附表二】 Đồng ý cho trường kiểm tra giấy tờ Authorization of Reviewing Application Documents	
3	國際專修部語文能力切結書【附表三】 Giấy cam kết trình độ hoa ngữ Declaration	
4	文件驗證切結書【附表四】 (未繳交學歷驗證者填寫) Giấy cam kết xác nhận và công chứng văn bằng học bạ. (Đối với những ai chưa nộp bản phiên dịch và công chứng xác nhận lãnh sự) (Phụ lục 4) Affidavit (of admissions documents to be verified)	
5	財力證明 存款USD 3,500 或TWD 100,000 以上之證明文件 (若存款證明非申請者本人帳戶，須附上資助者親筆簽名之財力保證書【附表五】，敘明與申請者之關係並保證負擔申請者在臺留學所有費用) Chứng minh tài chính 3,500 đô hoặc 100,000 đài tệ Financial Certification	
6	國際專修部報名資格切結書-外國學生【附表六】 Cam kết đăng kí hệ 1+4 – SV Quốc tế Declaration for International Foundation Program Students (see Appendix 6)	
7	國際專修部報名資格切結書-僑生、港澳生【附表七】 Cam kết đăng kí hệ 1+4 - SV Hoa Kiều, SV HongKong Declaration for International Foundation Program Students (see Appendix 7)	
8	香港、澳門居民報名資格確認書 -港澳生【附表八】 SV HongKong cần điền	
9	香港、澳門學生持外國護照及連續居留切結書-港澳生【附表九】 SV HongKong cần điền	
10	護照影本(照片頁) 1 份 Hộ chiếu Passport Copy (Photo Page)	
11	最高學歷畢業證書影本及該學程全部成績單 Học bạ và Bằng cấp cao nhất Degree Certificate and Academic Transcript	
12	其他(加分項目)：留學計畫書、推薦信、或其他有助審查之資料 Những giấy tờ có lợi khác: Kế hoạch học tập, Thư giới thiệu, hoặc những giấy tờ khác Recommendation Letter A study plan, a recommendation letter, other documents asked for by each department or listed on the Application of Admission for International Students, or other helpful reviewing documents decided by the applicant.	

以上資料確由本人填寫，保證正確無誤。Tôi cam đoan những thông tin trên là đúng và do tôi tự điền.

I have reviewed carefully the above information and hereby guarantee its correctness.

申請人簽名 Kí tên Applicant's signature _____ 日期 Ngày kí Date _____

本校審查資料 (申請人勿填) Opinion of Reviewers (Office use only)			Sinh viên KHÔNG điền phần này
國際專修部初審	系所審查意見	境外生試務組	
<input type="checkbox"/> 通過: _____ <input type="checkbox"/> 不通過: _____	<input type="checkbox"/> 通過: _____ <input type="checkbox"/> 不通過: _____	<input type="checkbox"/> 通過: _____ <input type="checkbox"/> 不通過: _____	

附件一 Phụ lục 1 臺北城市科技大學國際專修部學生入學申請表 Đơn xin nhập học hệ 1+4
Appendix 1: Application Form for International Foundation Program Students
1. 申請人資料/Personal Information Thông tin cá nhân:

申請人姓名 Thông tin sinh viên Full name	中文 Tên Tiếng Trung Chinese	(姓名)		
	出生日期 Ngày tháng năm sinh Date of Birth	____ / ____ / ____ YYYY / MM / DD		
	英文 Tên Tiếng Anh English			
國籍 Quốc tịch Nationality			護照號碼 Hộ chiếu Passport No.	
婚姻狀況 Hôn nhân Marital Status	<input type="checkbox"/> 已婚 Married <input type="checkbox"/> 未婚 Single	Đã kết hôn Chưa kết hôn	性別 Sex Giới tính	<input type="checkbox"/> 男 Male Nam <input type="checkbox"/> 女 Female Nữ
電話/手機 SĐT liên hệ Telephone or Cell			E-mail	
住址 Địa chỉ nhà Home Address				
在臺通訊處 Địa chỉ Đài Loan Address in Taiwan				

申請人父親 Thông tin của Bố Applicant's Father	中文 Tiếng trung Chinese	(姓名)	出生日期 Ngày tháng năm sinh Date of Birth	____ / ____ / ____ Y / M / D
	英文 Tiếng Anh English			
	國籍 Quốc tịch Nationality		職業 Nghề nghiệp Occupation	
	電話/手機 SĐT Telephone or Cell in Taiwan			
申請人母親 Thông tin của Mẹ Applicant's Mother	中文 Tiếng trung Chinese	(姓名)	出生日期 Date of Birth	____ / ____ / ____ Y / M / D
	英文 Tiếng Anh English			
	國籍 Quốc tịch Nationality		職業 Nghề nghiệp Occupation	
	電話/手機 SĐT Telephone or Cell in Taiwan			
在臺聯絡人 Người liên lạc tại Đài Loan Contact Person in Taiwan	姓名 Họ tên Name		關係 Quan hệ Relationship	
	住址 Địa chỉ Mailing Address			
	電話/手機 SĐT Telephone or Cell in Taiwan			
	E-mail			

3.擬申請就讀之系(所)及學位/Department/Graduate Institute and Degree Sought

Đăng kí học khoa/ Ngành (Tích vào ngành học đăng kí – Sinh viên chỉ chọn 1 ngành)

系所 Khoa/Ngành Department		行銷與流通管理系 Department of Marketing and Logistics Management Marketing và Logistics
		電機工程系 Department of Electrical Engineering Kỹ Thuật Điện Cơ

4.教育背景/Educational Background Tình trạng học vấn

學歷 Học vị Previous Education	中等學校 Tên trường cấp 3 Secondary school	學院/大學 Đại học College / University
學校名稱 Name of School Tên trường		
學校所在地 City and Country Thành phố/ Khu vực		
主修Major / 副修Minor Chuyên môn		
學位 Degree Conferred Học vị		
畢業日期 Graduate year Thời gian tốt nghiệp		

5.就讀期間各項費用來源/Sources of Financial Support Kinh phí học tập

<input type="checkbox"/> 個人儲蓄 Tự tích góp Personal Savings	<input type="checkbox"/> 父母支援 Ba mẹ hỗ trợ Parental Support	<input type="checkbox"/> 獎助學金 Học bổng Scholarships and Financial Aid	<input type="checkbox"/> 其他 Khác Others (Please specify)
--	---	---	---

申請人簽名 Kí tên Applicant's signature _____

日期 Ngày kí Date _____YYYY____MM____DD

附件二 Phụ lục 2 國際專修部學生入學文件審查授權書 Đồng ý cho trường kiểm tra giấy tờ
Appendix 3: Authorization of Reviewing Application Documents for International Foundation
Program Students

本人授權臺北城市科技大學查證本人所提供的資料，本人並授權：

Tôi đồng ý cho trường đại học Kỹ thuật thành phố Đài Bắc kiểm tra xác minh các loại giấy tờ mà tôi cung cấp và sử dụng thông tin liên qua tới tôi

I authorize Taipei City University of Science and Technology to undertake a verification of the information I have provided and I authorize:

- ☐ 學校 Educational institutes, Trường học
- ☐ 相關負責人員 Staffs, Người phụ trách có liên quan
- ☐ 其他 Others Khác

提供關於我的資料，並使他們免責於此一行為。

Cung cấp thông tin dữ liệu tôi và miễn truy cứu trách nhiệm.

To release information they may have about me and release them from any liability for doing so.

簽名(全名) Kí họ và tên Signature : _____

姓名(全名) Kí họ và tên Print full name : _____

護照號碼 Số hộ chiếu Passport number : _____

生日 Ngày Tháng năm sinh Date of birth : _____YYYY_____MM_____DD

日期 Ngày kí Date/ : _____YYYY_____MM_____DD

附件三 Phụ lục 3

國際專修部語文能力切結書 Giấy cam kết trình độ hoa ngữ

國際專修部語文能力切結書

GIẤY CAM KẾT TRÌNH ĐỘ HOA NGỮ HỆ 1+4

學生英文姓名 Họ tên tiếng anh: _____

性別 Giới tính: ☐男 Nam ☐女 Nữ ☐其他 Khác

出生日期 Ngày tháng năm sinh: _____年(Năm) _____月(tháng) _____日(ngày)

護照號碼 Số hộ chiếu: _____

本人報名臺北城市科技大學國際專修部修，於華語先修期間應取得華語文能力測驗 (TOCFL 2) A2 基礎級標準，得繼續修讀正式學位。本人明白先修華語一年期間內未通過華語文能力測驗 A2 標準將受退學處分，不得續修讀學位專業課程。

Tôi cam kết khi tham gia khóa học ngôn ngữ tiếng hoa 1 năm trong chương trình dự bị đại học quốc tế, trong thời gian theo học lớp ngôn ngữ tiếng hoa tôi sẽ phải thi được chứng chỉ hoa ngữ cấp A2 (TOCFL 2) trở lên thì mới có thể tham gia chương trình đại học những năm sau đó. Tôi hiểu rõ trong trường hợp đã theo học chương trình dự bị 1 năm mà không lấy được chứng chỉ hoa ngữ cấp A2 trở lên thì tôi sẽ chấp hành buộc thôi học và không được tham gia chương trình đại học chính quy lấy học vị tại Đài Loan.

特立此切結書。

_____ 年(năm) _____ 月(tháng) _____ 日(ngày)

切結人 Người cam kết _____

附件四 Phụ lục 4

文件驗證切結書(未繳交學歷驗證者填寫)

Giấy cam kết công chứng xác nhận giấy tờ (giành cho những ai chưa nộp bản dịch thuật và xác nhận)
Appendix 4: Affidavit (of admissions documents to be verified)

文件驗證切結書 GIẤY CAM KẾT XÁC THỰC HỒ SƠ
Affidavit (of admissions documents to be verified)

本人_____ (學生姓名)申請貴校國際專修部，外國學生申請入學，於報到時補交下列文件：

Tôi tên là: _____ Xin nhập học vào trường trình dự bị quốc tế, cam kết nộp toàn bộ hồ sơ còn thiếu lúc nhập học:

I _____ (students' name) applying for the (Program name) at Taipei City University of Science and Technology, hereby promise that I will submit the following verified documents to Taipei City University of Science and Technology at the time of registration.

註記 Tích vào đây Check(☑)	項目 Mục Items
	<u>經駐外單位驗證之國外最高學歷證件正本一份。</u> Original copy of highest educational diploma verified by the Taiwan Overseas Representative Office. Bằng cấp cao nhất được chứng thực bởi văn phòng đại diện của Đài Loan tại nước ngoài
	<u>經駐外單位驗證之國外最高成績證明正本一份。</u> Original copy of highest educational transcript verified by the Taiwan Overseas Representative Office. Học bạ được chứng thực bởi văn phòng đại diện của Đài Loan tại nước ngoài

若在報到時無法提供繳驗經駐外單位驗證之學歷證明及成績單正本；本人願放棄錄取資格，絕無異議。(※中英文以外之語文，應附經驗證之中文或英文譯本)

Nếu trong quá trình làm thủ tục nhập học không cung cấp được giấy tờ còn thiếu; Tôi đồng ý từ bỏ tư cách nhập học và không có phản đối gì.

Furthermore, at the time of registration I will present my original diploma and transcript to Taipei City University of Science and Technology. I understand that if I fail to submit the copies of the verified documents or the original diploma or transcript at the time of registration, my qualification for enrollment will be revoked.

(Remark: If the original documents are not in English or Chinese, an English or Chinese translation version verified by a Taiwan overseas representative office is also required.

簽名(全名) Họ và tên Signature : _____

護照號碼 Số Hộ Chiếu Passport number : _____

日期 Ngày tháng Date : _____ YYYY ____ MM ____ DD

附件五 Phụ lục 5

臺北城市科技大學 113 學年度國際專修部申請資料—財力保證書**Đảm bảo tài chính cho sinh viên trường Đại học Khoa Học và Công Nghệ thành phố Đài Bắc****Financial Guarantee for TPCU Academic**

本人_____與被保證人_____關係是_____
 (財力證明特有人姓名) (學生姓名)

Tôi tên là: _____ Người được bảo lãnh (Họ tên) _____
 quan hệ là _____

I _____, and the applicant, _____ our relationship being _____
 (Full Name) (Applicant's name)

願擔保被保證人在臺北城市科技大學就學及生活所需一切費用支出。

Tôi đồng ý bảo lãnh tài chính cho sinh viên theo học tại trường.

hereby guarantee that the applicant's total living and tuition expenses while attending TPCU will be paid in full.

此 致 Submitted to

臺北城市科技大學招生委員會

Admission Committee of International Students, TPCU

保證人簽名：

Người bảo lãnh kí tên:

Guarantor's signature(in hand wiriting):

簽名日期 Ngày kí: _____ yyyy/_____ mm/_____ dd

附件六 Phụ lục 6 外國學生報名資格切結書 Sinh viên nước ngoài cam kết tư cách nhập học

一、 本人申請身分勾選如下，並保證符合貴校本「招生管道」簡章之規定。

Sinh viên xin nhập học đánh dấu vào thân phận dưới đây và đảm bảo phù hợp quy định nhập học của sinh viên nước ngoài:

除下列第一項資格外，其餘身分保證於註冊時繳交中華民國入出國及移民署之入出國時間證明備查（連續居留海外六年以上，每曆年在臺灣地區停留期間不得逾 120 日，具相關證明文件者除外）

Ngoài tư cách dòng đầu tiên, các dòng còn lại khi nhập học cần nộp giấy tờ chứng minh xuất nhập cảnh để trường đối chiếu (ở nước ngoài liên tục 6 năm, mỗi năm ở Đài Loan không quá 120 ngày, người có các giấy tờ khác không nằm trong phạm vi này).

(以下選項請勾選) (Đánh dấu tích V vào ô dưới đây)

☐從未具有中華民國國籍，於申請時並不具僑生資格。

Chưa từng có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc, trong thời gian xin nhập học KHÔNG có thân phận Hoa Kiều.

☐兼具有中華民國國籍且自始未曾在臺設籍。

Có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc nhưng chưa từng đăng ký tại Đài Loan.

☐曾兼具有中華民國國籍，且經內政部許可喪失放棄國籍至今已達 8 年（需提供放棄國籍證明文件）

Đã từng có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc, nhưng đã được bộ nội chính đồng ý từ bỏ quốc tịch đến nay đã đạt 8 năm (Cần cung cấp giấy tờ từ bỏ quốc tịch).

☐兼具香港或澳門永久居留資格，且未曾在臺設有戶籍。

Có hộ khẩu thường trú tại Hồng Kông hoặc Ma Cao và không có hộ khẩu tại Đài Loan.

☐曾為大陸地區人民且未曾在臺設有戶籍。

Từng là công dân của đại lục và chưa từng có hộ khẩu tại Đài Loan.

二、 本人所提供之學歷證明文件(申請大學部者提出相當中華民國高中畢業之證書、申請轉學生者提出國內專科以上學歷證明、申請碩士班者提出大學畢業證書、申請博士班者提出碩士畢業證書)在畢業學校所在國家均為合法有效取得畢業資格，且所持之證件相當於中華民國國內各級合法學校。本人保證於註冊時繳交經貴國駐外單位驗證之學歷證件(畢業證書)。

Những giấy tờ bằng cấp mà tôi cung cấp (Sinh viên học hệ đại học phải nộp chứng chỉ tương đương với bằng tốt nghiệp THPT của Trung Hoa Dân Quốc, sinh viên chuyển trường phải nộp chứng chỉ đại học trong nước trở lên, ứng viên cho chương trình thạc sĩ phải nộp bằng tốt nghiệp đại học, ứng viên cho chương trình tiến sĩ phải nộp chứng chỉ thạc sĩ) Tất cả sinh viên tốt nghiệp đã có bằng tốt nghiệp tại nước ngoài cần có bằng cấp đầy đủ tư cách và còn hạn ngoài ra cần có xác nhận của Trung Hoa Dân Quốc chứng minh tính hợp pháp của bằng. Tôi hứa sẽ nộp chứng chỉ học tập (chứng chỉ văn bằng) được xác nhận bởi văn phòng của nước chúng tôi ở nước ngoài.

三、 本人在華未曾因操行、學業成績不及格、違反法令或校規情節嚴重致遭退學或喪失學籍。

Tôi chưa bao giờ bị đuổi học hoặc mất tư cách học tập ở Đài Loan do hạnh kiểm, học lực kém, vi phạm pháp luật hoặc quy định của trường.

四、 本人未曾以僑生身分在臺就學，且未於當學年度接受海外聯合招生委員會分發。

Tôi chưa từng dùng thân phận Hoa Kiều học ở Đài Loan và chưa từng phân phối bởi ủy ban liên hiệp tuyển sinh chung ở nước ngoài trong năm học hiện tại.

五、 上述所陳之任一事項同意授權貴校查證，如有不實或違反中華民國教育部外國學生來臺就學辦法之事項等情事屬實者，本人願依貴校相關規定處理，絕無異議。並同意貴校得於法令規定許可範圍內蒐集、處理、國際傳遞及利用本人個人資料。

Tôi đồng ý ủy quyền cho trường của bạn xác minh bất kỳ mục nào nêu trên. Nếu có bất kỳ sai lệch hoặc vi phạm các quy định của Bộ Giáo dục Trung Hoa Dân Quốc đối với sinh viên nước ngoài đến học tập tại Đài Loan, v.v., tôi sẵn sàng để giải quyết nó theo các quy định có liên quan của trường bạn mà không có bất kỳ sự phản đối nào. Và đồng ý rằng trường học có thể thu thập, xử lý, chuyển giao và sử dụng dữ liệu cá nhân của tôi trong phạm vi được pháp luật và các quy định cho phép.

附註：

Ghi chú

中華民國「國籍法」第 2 條：有下列各款情形之一者，屬中華民國國籍。Điều 2 của "Luật Quốc tịch" của Trung Hoa Dân Quốc: Một người thuộc bất kỳ trường hợp nào sau đây sẽ là công dân của Trung Hoa Dân Quốc.

i. 出生時父母為中華民國國民。 Tại thời điểm sinh ra cha hoặc mẹ có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc.

ii. 出生於父或母死亡後，其父或母死亡時為中華民國國民。 Tại thời điểm sinh ra cha hoặc mẹ có quốc tịch Trung Hoa Dân Quốc nhưng đã qua đời.

iii. 出生於中華民國領域內，父母均無可考，或均無國籍者。 Sinh ra trên lãnh thổ Trung Hoa Dân Quốc, nhưng không có cha mẹ hoặc không có quốc tịch.

iv. 歸化者。 Người nhập tịch.

申請人簽名 Kí tên Applicant's signature _____

日期 Ngày kí Date _____YYYY_____MM_____DD

附件七 Phụ lục 7**國際專修部學生入學申請切結書 Giấy cam kết nhập học hệ 1+4****Appendix 2: Declaration for International Foundation Program Students**

一、符合「外國學生來臺就學辦法」、「香港澳門居民來臺就學辦法」及「僑生回國就學及輔導辦法」所定外國學生、港澳生及僑生身分，且具學士班或副學士班入學資格。

Phù hợp với điều luật "Sinh viên quốc tế đến Đài Loan nhập học", "Sinh viên HongKong MaCao đến Đài Loan nhập học", "Sinh viên Hoa Kiều về nước học tập" phù hợp và đảm bảo tư cách nhập học.

Students who meet the requirements of the "Regulations for Foreign Students studying in Taiwan", "Regulations for Hong Kong and Macao Residents studying in Taiwan", and "Regulations for Overseas Chinese Returning to Study and Counseling" are foreign students, Hong Kong and Macao students, and overseas Chinese students with admission qualifications for bachelor's or associate degree classes.

二、本人未曾在中華民國完成申請就學或遭退學。

Tôi chưa từng xin nhập học tại Trung Hoa Dân Quốc hoặc bị buộc thôi học.

II. I have never gone through an application for any program or have been expelled from any school in the Republic of China.

三、本人所提供之國外學歷證件，在畢業學校所在國家均為合法有效取得，並相當於中華民國國內之各級合法學校授予之相當學位。

Những giấy tờ mà tôi cung cấp cho trường gồm học bạ, bằng cấp đều là hợp pháp và có giá trị sử dụng tại quốc gia và còn có giá trị hợp pháp để tôi học tại trường.

III. All the foreign academic certificates I submitted have been lawfully acquired in the country where the school I graduated from is located, and are equivalent of diplomas conferred by all levels of registered schools in the Republic of China.

四、本人已詳閱簡章內容，並遵守簡章之相關規定。

Tôi đã đọc hết các nội dung và hứa sẽ tuân thủ quy định

IV. I have read the Application Instructions thoroughly and will follow all the rules.

上述所陳之任一事項同意授權 貴校查證，如有不實或不符規定等情事，於入學後經查證屬實，本人願意接受貴校取消入學資格並註銷學籍，絕無異議。

Tôi xác nhận những điều trên là đúng, đồng thời chấp nhận để cho trường kiểm tra xác nhận. Nếu có điều gì không đúng, sau khi nhà trường điều tra ra thì có thể hủy tư cách nhập học tại trường.

I hereby agree to authorize your school to verify all of the aforementioned statements. If any of the statements is found untrue or in violation of this regulation after enrollment, I will accept your school's authority to cancel my admission and OIT student status without objection.

此致

臺北城市科技大學 to Taipei City University of Science and Technology

申請人簽名 Kí tên Applicant's signature _____

日期 Ngày kí Date _____YYYY_____MM_____DD

護照號碼 Số Hộ Chiếu Passport No. : _____